

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số **1092/2020/TLST-HNGĐ** ngày **24 tháng 12 năm 2020** về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- *Người yêu cầu:* Ông **Trịnh Văn N**, sinh năm 1966; Địa chỉ: 104/92 Phạm Văn Bạch, Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người yêu cầu:* Bà **Ngô Minh T**, sinh năm 1974; Địa chỉ: 104/92 Phạm Văn Bạch, Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: **Bà Ngô Minh T và ông Trịnh Văn N** cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. **Bà T và ông N** có địa chỉ cư trú ở quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ **Giấy chứng nhận kết hôn số 01/93, quyền số 218 ngày 04/12/1993 do Ủy ban nhân dân Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp** thì **bà T và ông N** là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của **bà T và ông N** thì hai bên đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên cả hai cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và không trái luật nên Tòa án công nhận.

[4] Về con chung: Có hai con chung tên **Trịnh Quốc L**, sinh năm 2000 và **Trịnh Thị Thiên Tr**, sinh năm 1994. Con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về tài sản chung: cả hai khai không có nên Tòa án không xem xét.

[6] Về nợ chung: cả hai khai không có nên Tòa án không xem xét.

[7] Về lệ phí Tòa án: do **bà T và ông N** chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: **Bà Ngô Minh T và ông Trịnh Văn N** thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Có hai con chung tên Trịnh Quốc L, sinh năm 2000 và Trịnh Thị Thiên Tr, sinh năm 1994. Con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa giải quyết.
- Về tài sản chung: Cả hai khai không có.
- Về nợ chung: Cả hai khai không có
- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do **bà Ngô Minh T và ông Trịnh Văn N** nộp, được căn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà đương sự đã nộp theo biên lai số **0068900 ngày 17/12/2020** của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- **UBND Phường 4, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh**
(để ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH
số 01/93, quyển số 218 ngày 04/12/1993);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Thiện